

Bản án số: 234/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25/6/2020

V/v “*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Việt Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Nghiệp;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Uyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Chúc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số : 151/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1980; nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ 14, ấp A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà M có mặt; ông B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu kèm theo bà Huỳnh Thị M trình bày: Hôn nhân của bà với ông Nguyễn Thanh B là do mai mối, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân thị trấn A vào ngày 12/9/2007. Nguyên nhân mâu thuẫn do bà và ông B bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Sau khi đám cưới được 02 tháng thì bà và ông B đã ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân, gia đình hai bên cũng thống nhất cho bà và ông B không sống chung. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông B.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt cho ông Nguyễn Thanh B theo quy định nhưng ông Bình vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án có phân công cán bộ đến tại nhà của ông B làm việc nhưng vẫn không gặp ông B để ghi nhận ý kiến. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của bà M và ông B để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được: Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú thì xác định ông B vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại ấp A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang theo sổ hộ khẩu số 122 ngày 13/02/2007, Quyền 01 do bà Nguyễn Thị V (mẹ ông B) làm chủ hộ.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 14/5/2020 được mẹ ruột ông B, bà Nguyễn Thị V cho biết: B và M do mai mối tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2007. Sau đám cưới được 02 tháng thì M bỏ về cha mẹ ruột sống và ly thân với B cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng M, B không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, gia đình bà lên rước không về. Theo bà V khả năng hàn gắn của M, B là không thể, bởi ly thân trên mười năm nay.

Tại phiên tòa, bà M bảo lưu ý kiến của mình. Riêng ông B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bà Huỳnh Thị M khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh B. Đồng thời, ông B cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Thanh B được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông B do cha mẹ định đoạt, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A ngày 12/9/2007 theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên thụ lý, giải quyết theo Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của bà M xin ly hôn với ông B, Hội đồng xét xử xét thấy thời gian ly thân giữa bà M và ông B đã rất lâu nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn. Mâu thuẫn giữa bà M và ông B phù hợp với lời trình bày của mẹ ruột ông B, theo bà V thì khả năng hàn gắn của bà M và ông B là không thể do ly thân từ năm 2007 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn của bà M và ông B không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của bà M theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: Bà M xác định không có con chung nên không xem xét.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà M là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông B không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị M.

Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Thanh B.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 88 ngày 12/9/2007 của Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Bà Huỳnh Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011729 ngày 14/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (bà M đã nộp đủ).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/6/2020) Các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Thanh B được tính kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAT
- VKSH
- THAH
- Các đương sự.
- UBND xã;
- Lưu vp
- Lưu hs

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Việt Quốc